

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 3/2025

CTCP Dịch vụ Sân bay Quốc tế Cam Ranh

Ngày 30/09/2025	9,700 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	-3.0%	4.3%	-3.0%

DT thuần Q3/25
53.9
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 9.00 20.1%
YoY: ▲ 17.6 48.6%

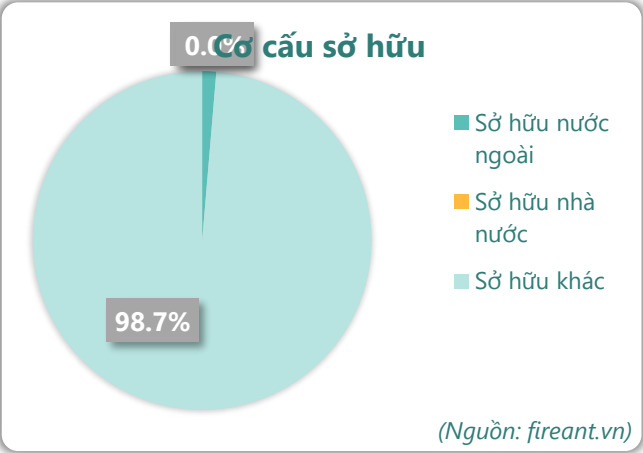
LN thuần Q3/25
8.95
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.42 61.8%
YoY: ▲ 4.78 115%

LN sau thuế Q3/25
7.43
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 5.39 264%
YoY: ▲ 4.13 125%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
16.7%
YoY: +/-▲ 9.1%

ROE (TTM) Q3/25
3.2%
YoY: +/-▲ 1.2%

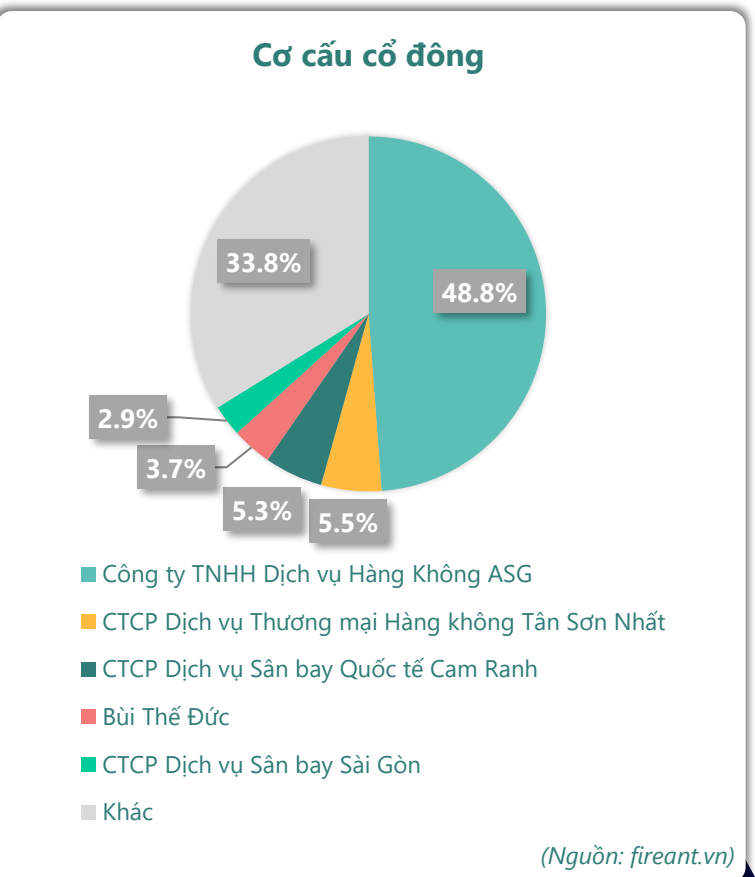
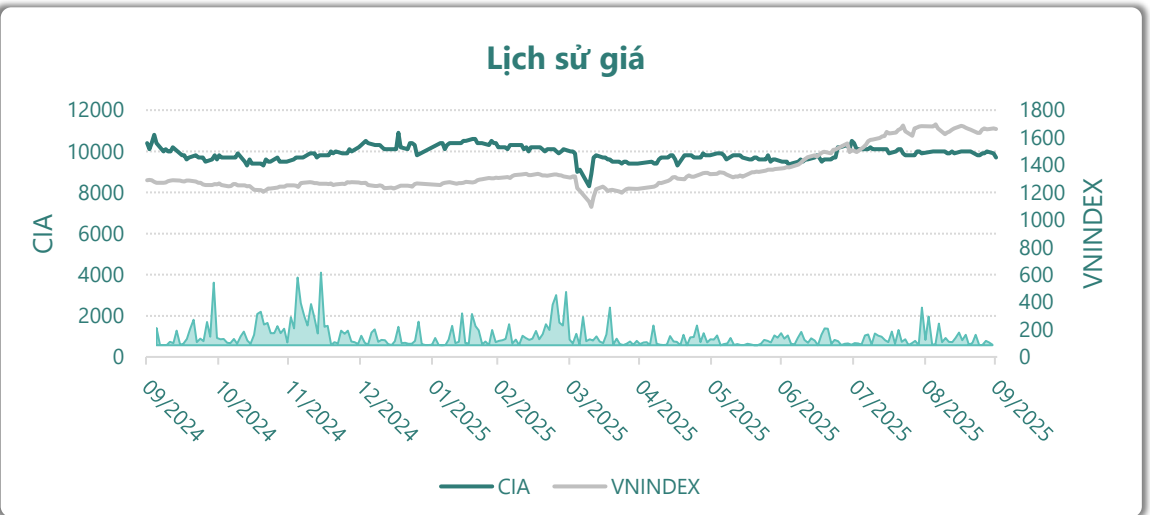
Sàn giao dịch	HNX
Khoảng giá 52 tuần	8,300 - 10,900
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	181
Số lượng CPLH (CP)	18,661,243
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,825
Sở hữu nước ngoài	1.3%
Beta	0.60
EPS	582
P/E	16.7



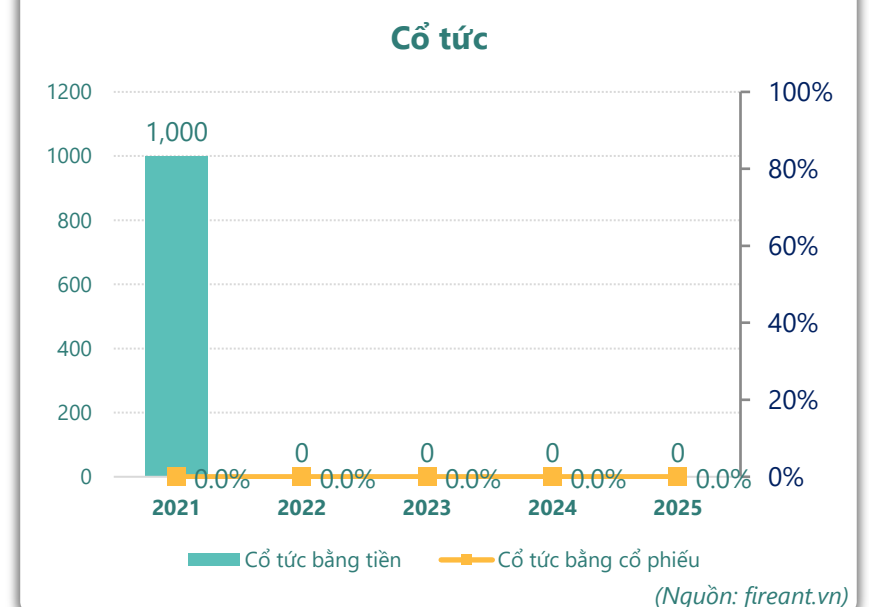
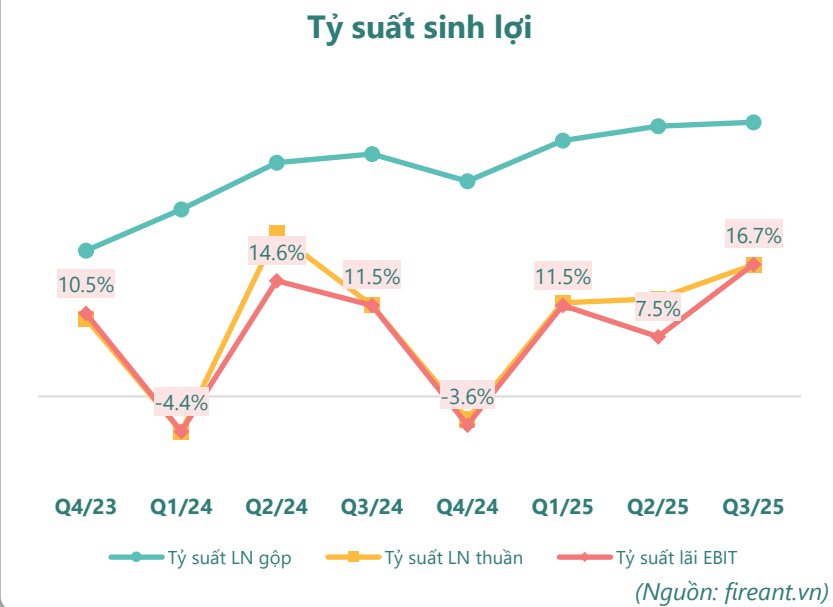
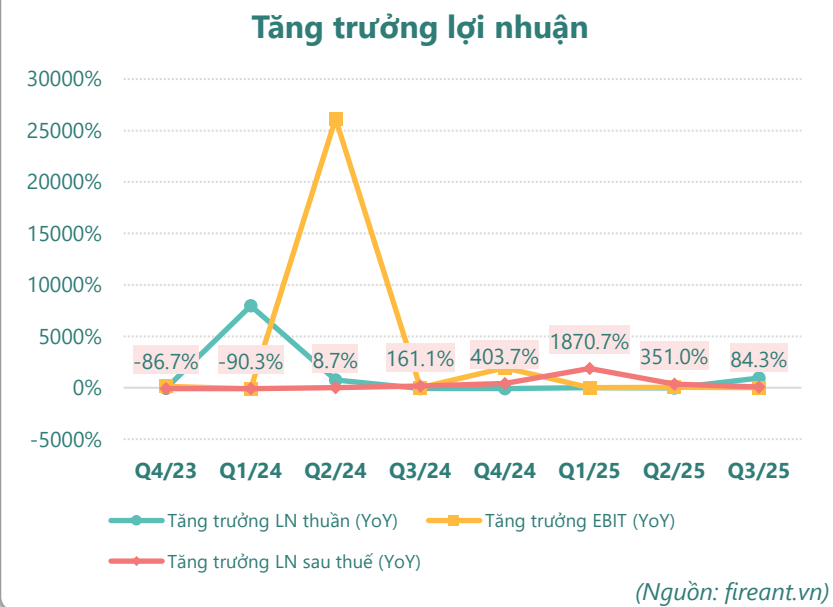
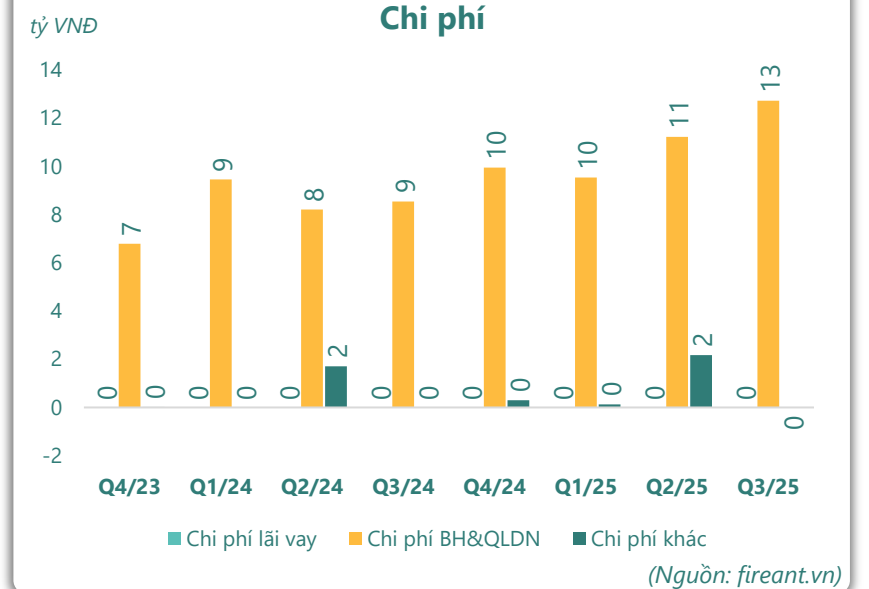
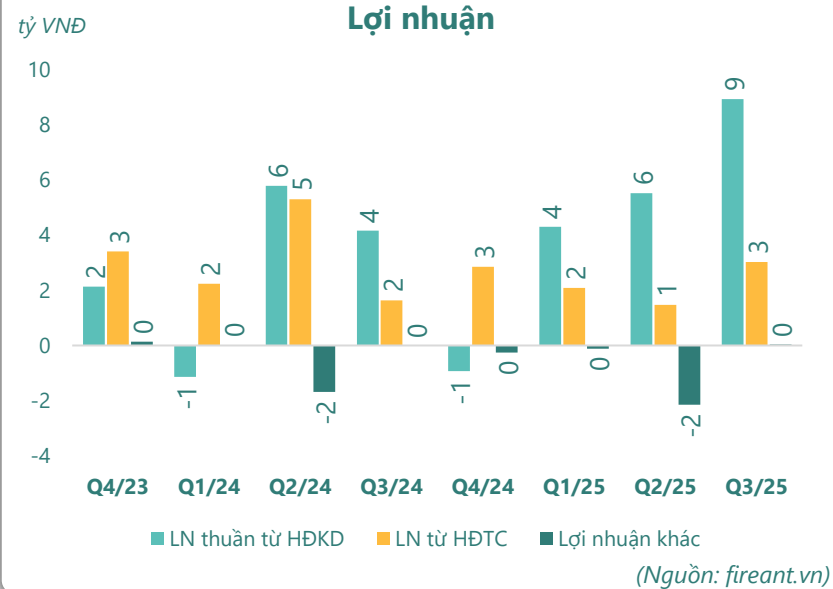
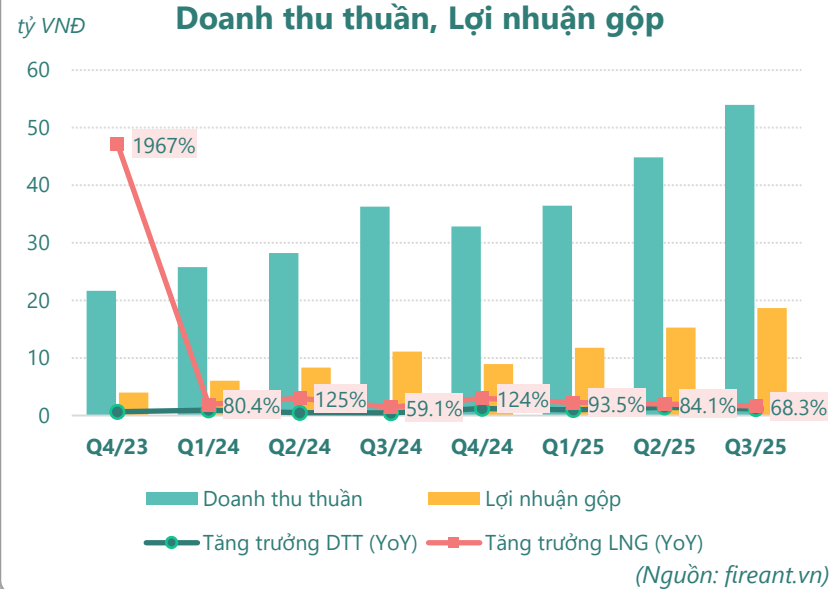
DT thuần 9T 2025
135
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 44.7 49.9%

LN thuần 9T 2025
18.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 9.98 113%

LN sau thuế 9T 2025
12.8
tỷ VNĐ
YoY: ▲ 6.31 98.0%



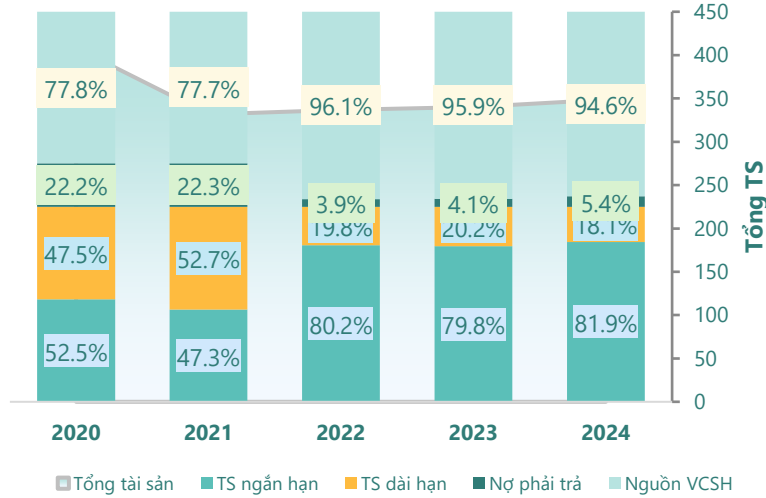
KẾT QUẢ KINH DOANH



TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

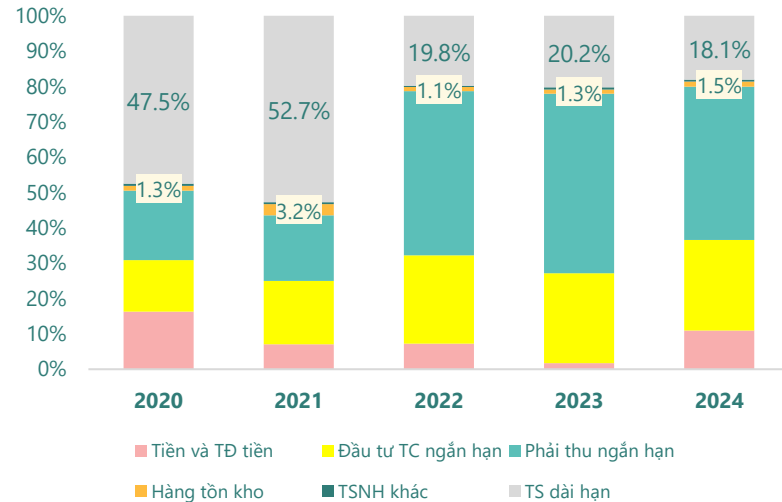
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

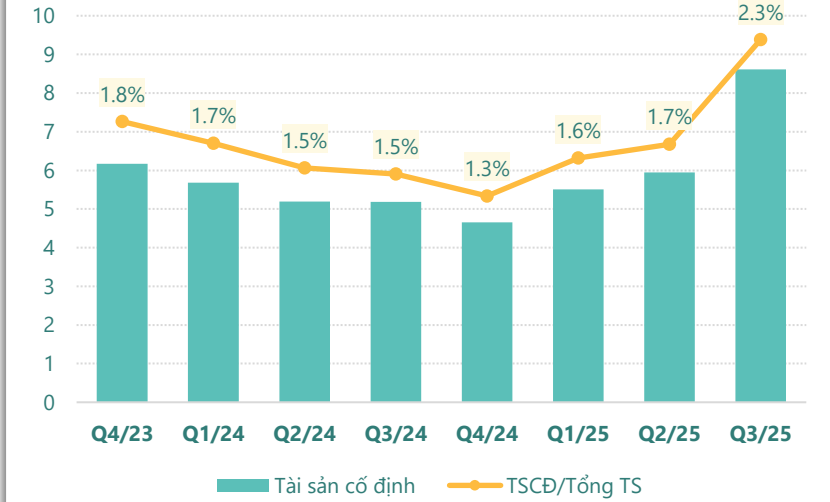
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

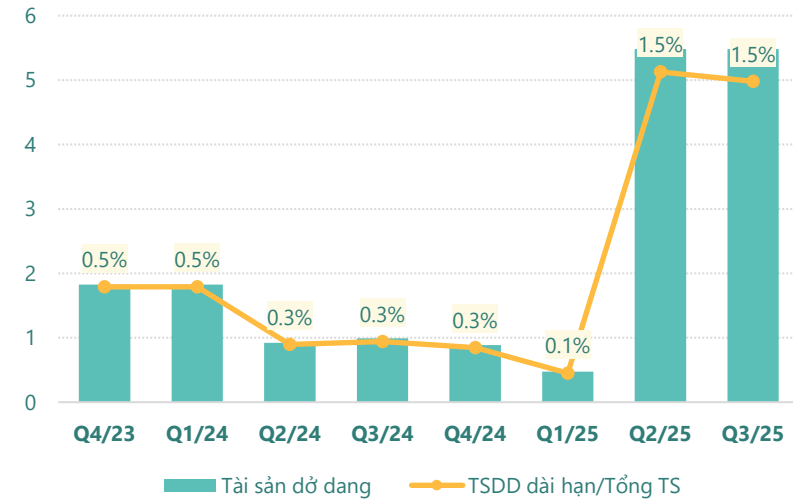
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

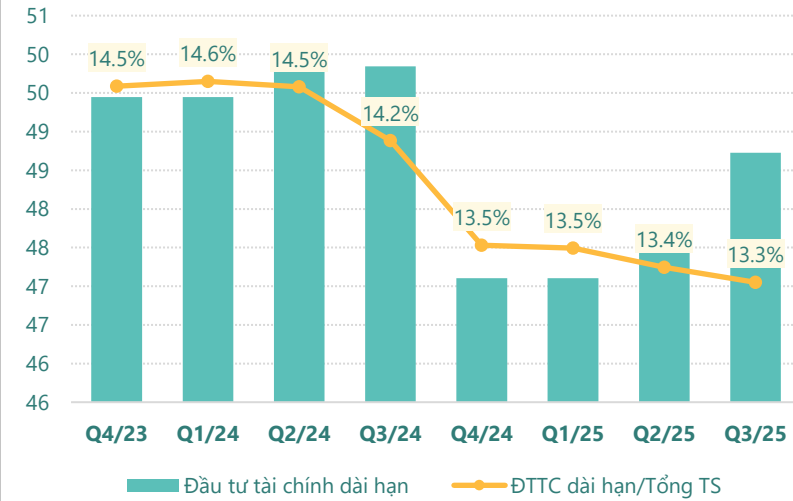
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

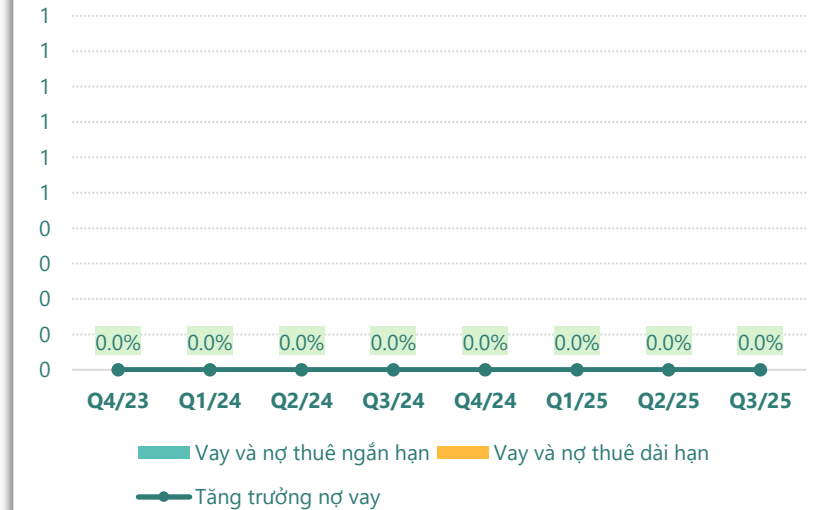
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

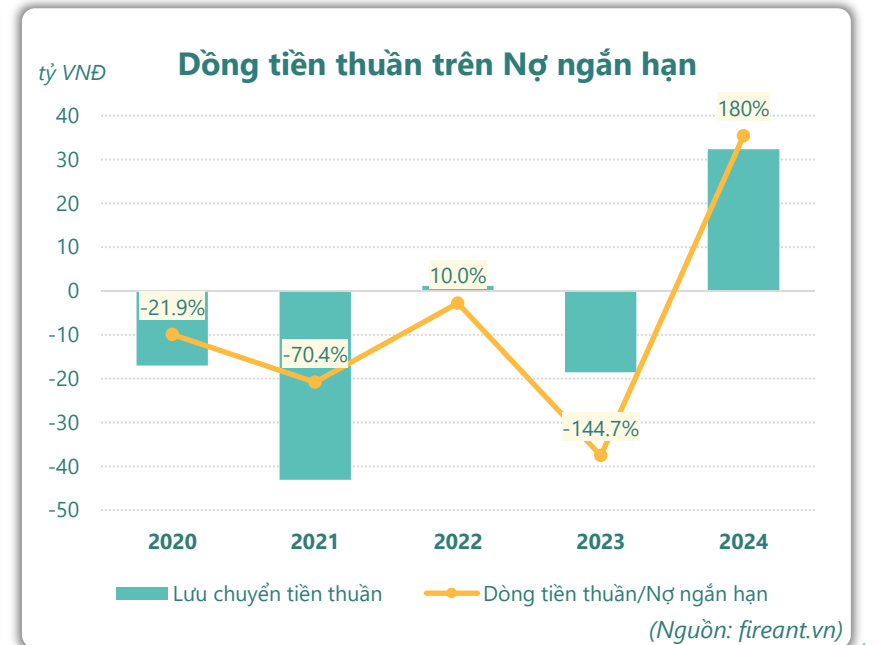
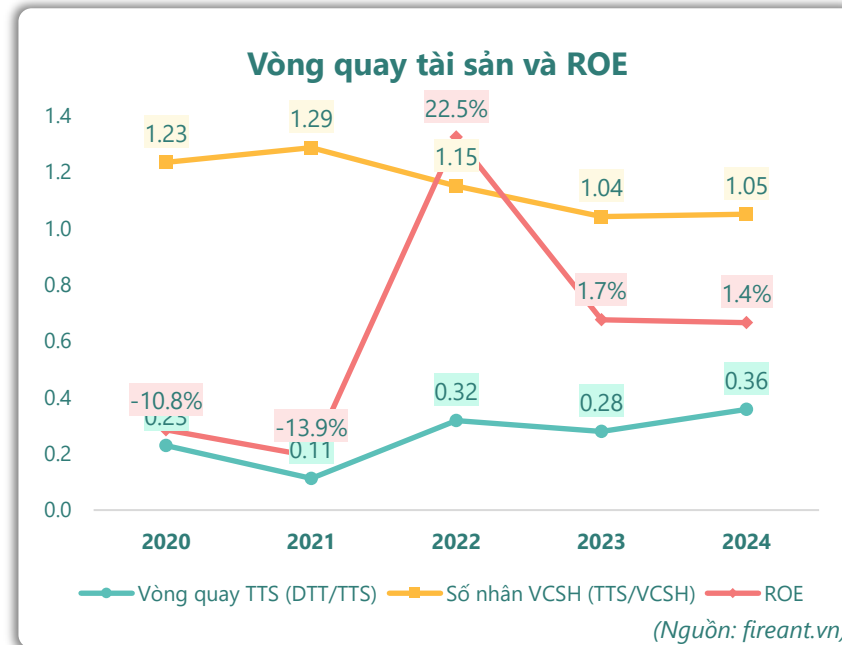
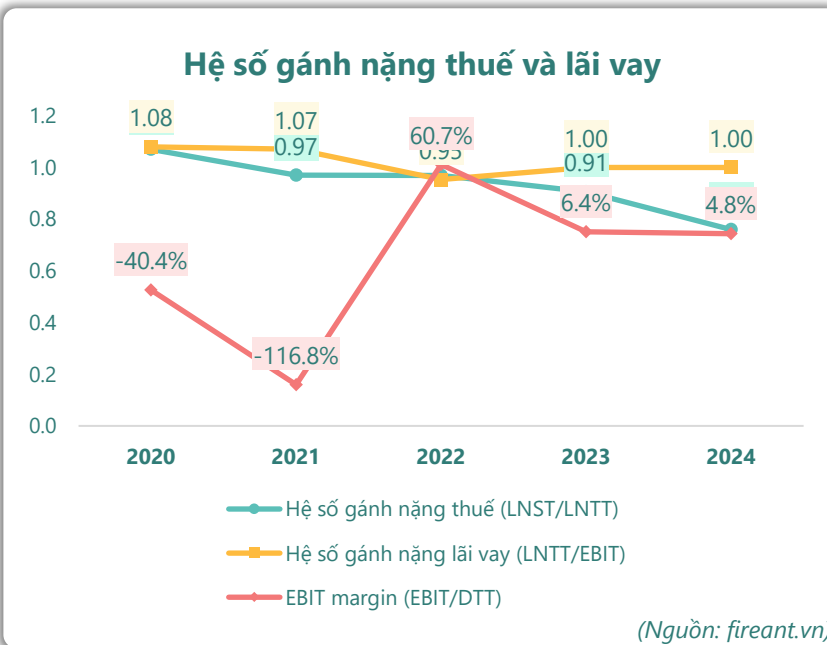
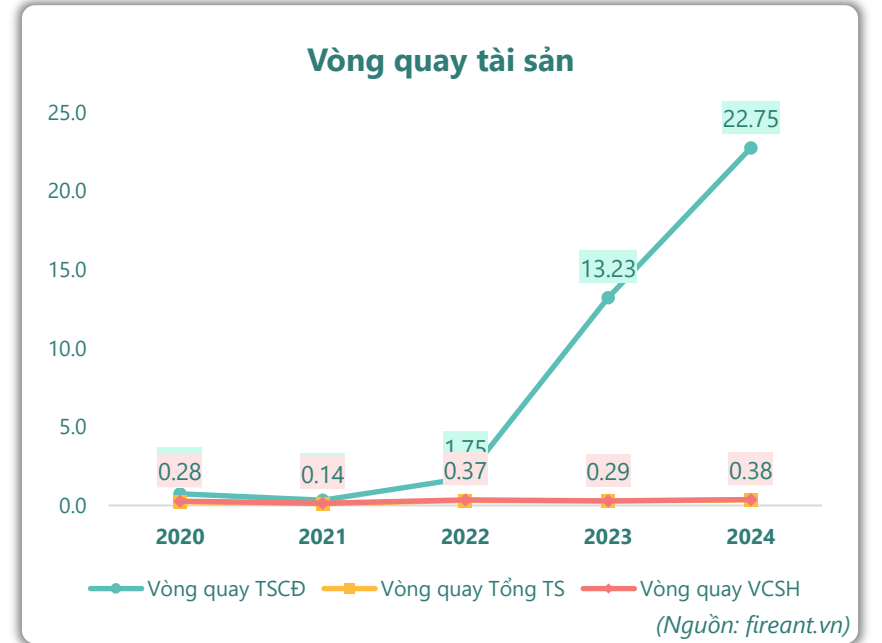
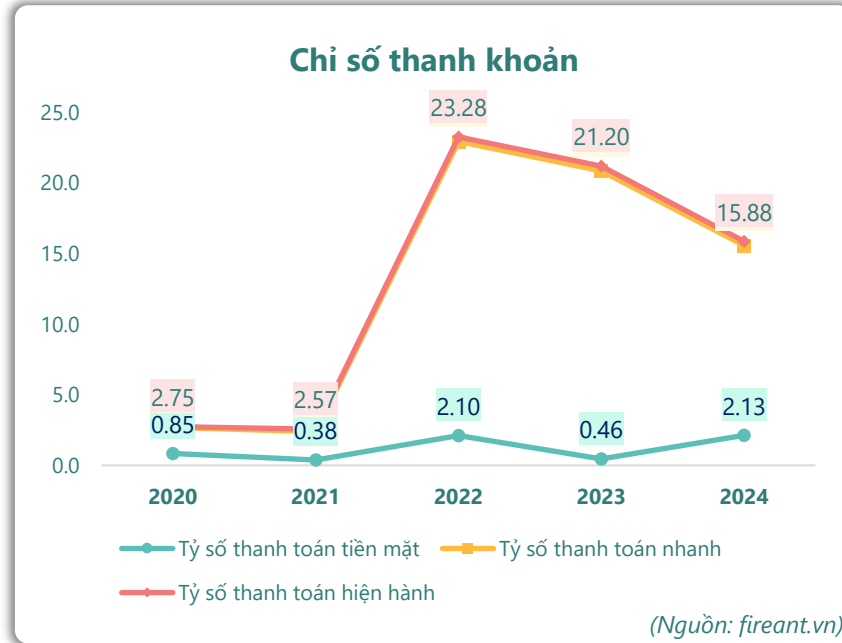
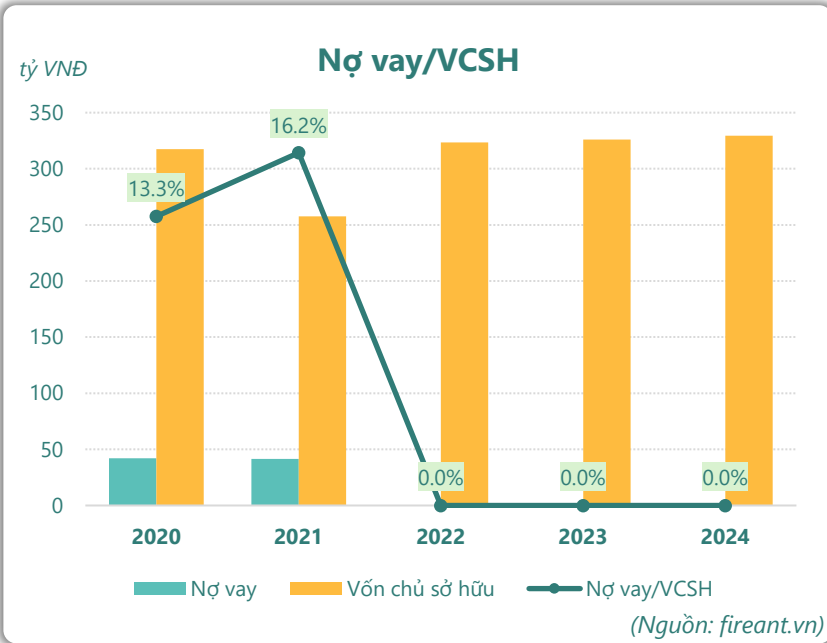
Nợ vay

tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG





KẾT QUẢ KINH DOANH

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	53.9	36.3	48.6%	135	90.3	49.9%
Giá vốn hàng bán	35.3	25.2	40.1%	89.6	64.8	38.2%
Lợi nhuận gộp	18.6	11.1	68.0%	45.7	25.5	79.4%
Doanh thu HĐTC	1.77	2.21	-20.1%	8.77	7.46	17.6%
Chi phí TC	-1.26	0.57	-322%	2.18	-1.72	227%
Chi phí lãi vay	0	0.00		0	0	
LN trong công ty LKLD	0	0.00		0	0.40	-100%
Chi phí bán hàng	5.95	3.93	51.4%	15.0	12.5	19.6%
Chi phí QLDN	6.77	4.63	46.3%	18.5	13.7	35.3%
LN thuần từ HĐKD	8.95	4.17	115%	18.8	8.82	113%
Lợi nhuận khác	0.03	0.00		-2.24	-1.67	-33.9%
LN trước thuế	8.98	4.17	115%	16.5	7.15	131%
Lợi nhuận sau thuế	7.43	3.30	125%	12.8	6.49	98.0%
LNST của CĐ cty mẹ	7.43	3.30	125%	12.8	6.49	98.0%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	0.93	11.4	-14.0	17.1	-11.4	9.29
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-19.9	49.9	-35.1	0.75	-10.8	-1.54
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	0	0	0.00	-0.01	0	0.00
Tiền đầu kỳ	45.0	26.0	87.3	38.3	56.1	33.9
Lưu chuyển tiền thuần	-19.0	61.3	-49.1	17.8	-22.2	7.75
Ảnh hưởng tỷ giá	0.01	-0.06	0.10	0.01	0.06	-0.02
Tiền cuối kỳ	26.0	87.3	38.3	56.1	33.9	41.7

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	367	349	5.3%
Tài sản ngắn hạn	297	286	4.0%
Tiền và tương đương tiền	41.7	38.3	8.9%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	82.3	89.3	-7.9%
Phải thu ngắn hạn	166	151	9.7%
Hàng tồn kho	5.08	5.24	-3.1%
Tài sản ngắn hạn khác	2.28	1.79	27.4%
Tài sản dài hạn	70.2	63.0	11.4%
Phải thu dài hạn	0	0	
Tài sản cố định	8.61	4.65	85.1%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	5.48	0.89	519%
Đầu tư tài chính dài hạn	48.7	47.1	3.4%
Tài sản dài hạn khác	7.41	10.4	-28.6%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	25.1	19.0	32.2%
Nợ ngắn hạn	23.4	18.0	29.9%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	0	0	
Phải trả người bán ngắn hạn	7.21	8.76	-17.7%
Nợ dài hạn	1.75	1.01	73.3%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	342	330	3.8%
Vốn chủ sở hữu	342	330	3.8%
Vốn điều lệ	187	197	-5.3%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

